

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

QL03051 - QUY HOẠCH NÔNG THÔN (RURAL PLANNING)

I. Thông tin về học phần

- Học kì: 04
- Tín chỉ: 02 (Lý thuyết: 1,5 - Thực hành: 0,5 - Tự học: 6)
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp / trực tuyến: 22 tiết
 - + Thực hành tại phòng thực tập: 08 tiết
- Giờ tự học: 90 tiết
- Đơn vị phụ trách:
 - Bộ môn: Quy hoạch đất đai
 - Khoa: Khoa Tài Nguyên và Môi Trường
- Học phần thuộc khối kiến thức:

Đại cương <input type="checkbox"/>	Cơ sở ngành <input type="checkbox"/>	Chuyên ngành <input checked="" type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>
Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mục tiêu, kết quả học tập mong đợi của học phần

* **Các chuẩn đầu ra và chỉ báo của chương trình đào tạo mà học phần đóng góp:**

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	
Kiến thức chung	
CDR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế, môi trường, chính trị, xã hội và nhân văn trong lĩnh vực quản lý đất đai.	Chỉ báo 1.3: Áp dụng kiến thức môi trường trong lĩnh vực quản lý đất đai.
Kiến thức chuyên môn	
CDR2: Phân tích công tác quản lý và sử dụng đất để phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội;	Chỉ báo 2.2: Phân tích công tác sử dụng đất
CDR3: Xác định giải pháp quản lý, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai.	Chỉ báo 3.2: Xác định giải pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất đai
Kỹ năng chung	

Chuẩn đầu ra của CTĐT Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo của chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
CĐR4 : Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề về nghiên cứu, chuyên giao công nghệ trong ngành Quản lý đất đai một cách có hiệu quả;	Chỉ báo 4.1. Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề về nghiên cứu trong ngành Quản lý đất đai.
Kỹ năng chuyên môn	
CĐR7: Sử dụng thành thạo các nghiệp vụ, công nghệ tiên tiến để phục vụ hiệu quả các hoạt động chuyên môn thuộc ngành Quản lý đất đai.	Chỉ báo 7.2 Sử dụng thành thạo kỹ năng điều tra, thu thập, xử lý thông tin phục vụ việc giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý đất đai.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR8: Làm việc độc lập, hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ và tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý đất đai.	Chỉ báo 8.3. Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân thuộc ngành Quản lý đất đai.
CĐR9: Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp và ý thức học tập suốt đời.	Chỉ báo 9.1. Định hướng tương lai rõ ràng, có lòng đam mê nghề nghiệp.

* **Mục tiêu:** Học phần cung cấp cho sinh viên:

- Kiến thức: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nông thôn, về quy hoạch và quy hoạch nông thôn. Tạo cơ hội cho người học tiếp cận được với những vấn đề quy hoạch nông thôn trong giai đoạn hiện nay. Cung cấp cho người học phương pháp luận trong xây dựng phương án nông thôn mới.
- Kỹ năng: Học phần giúp sinh viên nắm vững được phương pháp lập phương án quy hoạch phát triển kinh tế xã hội nông thôn.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Học phần giúp sinh viên thể hiện tinh thần trách nhiệm trach nhiệm với môi trường và xã hội, với sự phát triển, chủ động, hợp tác trong công việc nhằm phát huy trí tuệ tập thể. Có ý thức học tập suốt đời.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau: (*GV lấy từ ma trận*)

I – Giới thiệu (Introduction); P – Thực hiện (Practice); R – Củng cố (Reinforce); M – Đạt được (Master)

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		1.3	2.2	3.2	4.1	7.2	8.3	9.1
QL 03051	Quy hoạch nông thôn	P	R	R	R	P	P	P

Ký hiệu	KQHTMD của học phần <i>Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được</i>	CĐR của CTĐT
<i>Kiến thức chung</i>		

Ký hiệu	KQHTMĐ của học phần <i>Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được</i>	CĐR của CTĐT
K1	Áp dụng kiến thức về vùng nông thôn, đặc trưng của vùng nông thôn, phát triển nông thôn vào quy hoạch nông thôn	CB 1.3
K2	Phân tích các khái niệm phát triển, phát triển nông thôn và những vấn đề trong phát triển nông thôn.	CB 2.2
K3	Xác định nguyên lý, mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và trình tự quy hoạch phát triển nông thôn, quy hoạch xây dựng nông thôn mới	CB 3.2
Kĩ năng		
K4	Vận dụng tư duy phản biện và sáng tạo vào giải quyết các vấn đề trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới	CB 4.1
K5	Sử dụng kỹ năng điều tra, thu thập, xử lý thông tin phục vụ việc giải quyết các vấn đề trong quy hoạch nông thôn, quy hoạch xây dựng nông thôn mới.	CB 7.2
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K6	Đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân trong lĩnh vực quy hoạch nông thôn.	CB 8.3
K7	Có ý thức học tập, tìm hiểu các văn bản pháp luật liên quan tới quy hoạch nông thôn, quy hoạch xây dựng nông thôn mới.	CB 9.1

III. Nội dung tóm tắt của học phần

QL03051. Quy hoạch nông thôn (Rural Planning) (2: 1,5-0,5-6).

Mô tả văn tắt nội dung: Học phần gồm: Khái niệm về phát triển, phương pháp đo đường sự phát triển; Đặc trưng của vùng nông thôn, sự cần thiết phải phát triển nông thôn; Những vấn đề vĩ mô về phát triển nông thôn; Khái niệm về quy hoạch phát triển nông thôn, nguyên lý của quy hoạch phát triển nông thôn; nguyên tắc, nội dung phương pháp quy hoạch phát triển nông thôn; Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- + Thuyết giảng;
- + Tổ chức học tập theo nhóm
- + Nghiên cứu trường hợp
- + Sử dụng câu hỏi trong giảng dạy;
- + Giảng dạy thông qua thảo luận nhóm.
- + Bài tập thực hành.

2. Phương pháp học tập

- + Nghiên cứu, đọc tài liệu tham khảo môn học;
- + Thảo luận tích cực các tình huống giảng viên đưa ra về quy hoạch nông thôn;
- + Thảo luận và làm việc nhóm;
- + Thuyết trình
- + Chủ động đặt câu hỏi và xử lý câu hỏi.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 80% tổng số giờ của học phần theo quy định (trên lớp hoặc trực tuyến). Nếu không tham dự đủ số giờ quy định sẽ không đủ điều kiện thi cuối kỳ.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải có giáo trình môn học, đọc giáo trình, tài liệu tham khảo do giảng viên yêu cầu trước mỗi buổi học.
- Kiểm tra giữa kỳ: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải làm bài kiểm tra giữa kỳ môn học do giáo viên giảng dạy quy định (trên lớp hoặc trực tuyến).
- Thuyết trình và Thảo luận: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải làm bài tập môn học do giáo viên giảng dạy quy định (trên lớp hoặc trực tuyến).
- Bài tập: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải hoàn thành bài tập cá nhân đúng thời hạn, đúng yêu cầu do giảng viên đưa ra. Sinh viên không nộp bài tập sẽ không đủ điều kiện thi cuối kỳ.
- Thi cuối kì: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia và làm bài thi cuối kỳ.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric

3. Phương pháp đánh giá

Bảng 1. Kế hoạch đánh giá và trọng số

Hoạt động đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Đánh giá quá trình		40	
Rubric 1 - Đánh giá chuyên cần	K1, K2, K3, K4, K5, K6, K7	10	Theo lịch Học viện
Rubric 2 - Đánh giá thuyết trình nhóm	K3, K7	10	Kết thúc phần học lý thuyết
Rubric 3 - Đánh giá tiểu luận	K4, K5, K7	20	Theo lịch Học viện
Đánh giá cuối kỳ		60	
Rubric 4 - Đánh giá cuối kì	K1, K2, K3,	60	Theo lịch Học viện

Bảng 2: Chỉ báo thực hiện các kết quả học tập mong đợi của học phần

KQHTMD	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi
K1	Chỉ báo 1. Áp dụng kiến thức về xã hội học nông thôn Việt Nam vào môn quy hoạch nông thôn
	Chỉ báo 2. Phân tích đặc điểm nông thôn tại một số nước.
	Chỉ báo 3. Phân tích đặc điểm của điểm dân cư nông thôn và đặc trưng của vùng nông thôn.
K2	Chỉ báo 4. Phân tích các khái niệm về phát triển, cơ sở đánh giá mức độ phát triển
	Chỉ báo 5. Phân tích các khái niệm phát triển nông thôn, những vấn đề phát triển nông thôn.

KQHTMĐ	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi
K3	Chỉ báo 6. Xác định nguyên lý, mục đích, yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và trình tự quy hoạch phát triển nông thôn, quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Rubric 1: Đánh giá tham dự lớp (10đ)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Thái độ tham dự	50	Luôn chú ý và tham gia các hoạt động	Khá chú ý, có tham gia	Có chú ý, ít tham gia	Không chú ý/không tham gia
Tham gia trả lời câu hỏi trên lớp	50	Trả lời được 85-100% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 65-84% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 40-64% câu hỏi trên lớp	Trả lời được 0-39- % câu hỏi trên lớp

Rubric 2. Đánh giá thuyết trình (theo nhóm)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Nội dung	10	Phong phú hơn yêu cầu	Đầy đủ theo yêu cầu	Khá đầy đủ, còn thiếu 1 nội dung quan trọng	Thiếu nhiều nội dung quan trọng
	20	Chính xác, khoa học	Khá chính xác, khoa học, còn vài sai sót nhỏ	Tương đối chính xác, khoa học, còn 1 sai sót quan trọng	Thiếu chính xác, khoa học, nhiều sai sót quan trọng
Cấu trúc và tính trực quan	10	Cấu trúc bài và slides rất hợp lý	Cấu trúc bài và slides khá hợp lý	Cấu trúc bài và slides tương đối hợp lý	Cấu trúc bài và slides chưa hợp lý
	10	Rất trực quan và thẩm mỹ	Khá trực quan và thẩm mỹ	Tương đối trực quan và thẩm mỹ	Ít/Không trực quan và thẩm mỹ
Kỹ năng trình bày	10	Dẫn dắt vắn đề và lập luận lôi cuốn, thuyết phục	Trình bày rõ ràng nhưng chưa lôi cuốn, lập luận khá thuyết phục	Khó theo dõi nhưng vẫn có thể hiểu được các nội dung quan trọng	Trình bày không rõ ràng, người nghe không thể hiểu được các nội dung quan trọng
Tương tác cử chỉ	10	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	Tương tác bằng mắt và cử chỉ khá tốt	Có tương tác bằng mắt, cử chỉ nhưng chưa tốt	Không tương tác bằng mắt và cử chỉ
Quản lý thời gian	10	Làm chủ thời gian và hoàn toàn linh hoạt điều chỉnh theo tình huống	Hoàn thành đúng thời gian, thỉnh thoảng có linh hoạt điều chỉnh theo tình huống.	Hoàn thành đúng thời gian, không linh hoạt theo tình huống.	Quá giờ

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Trả lời câu hỏi	10	Các câu hỏi đặt đúng đều được trả lời đầy đủ, rõ ràng, và thỏa đáng	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng và nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Trả lời đúng đa số câu hỏi đặt đúng nhưng chưa nêu được định hướng phù hợp đối với những câu hỏi chưa trả lời được	Không trả lời được đa số câu hỏi đặt đúng
Sự phối hợp trong nhóm	10	Nhóm phối hợp tốt, thực sự chia sẻ và hỗ trợ nhau trong khi báo cáo và trả lời	Nhóm có phối hợp khi báo cáo và trả lời nhưng còn vài chỗ chưa đồng bộ	Nhóm ít phối hợp trong khi báo cáo và trả lời	Không thể hiện sự kết nối trong nhóm

Rubric 3: Bài tập học phần (10đ)

Tiêu chí		Trọng số %	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
Cấu trúc		05	Cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Không cân đối, thiếu hợp lý
Nội dung	Nêu vấn đề	10	Phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề	Phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề
	Nền tảng lý thuyết	10	Trình bày quan điểm lý thuyết phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết khá phù hợp	Trình bày quan điểm lý thuyết tương đối phù hợp	Trình bày chưa rõ quan điểm lý thuyết phù hợp
	Các nội dung thành phần	40	Ghi thang điểm cụ thể cho từng phần nội dung			
	Lập luận	10	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ không gây ảnh hưởng	Tương đối chặt chẽ, logic; có phần chưa đảm bảo gây ảnh hưởng	Không chặt chẽ, logic
Kết luận		15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và đầy đủ
Hình thức trình bày (font)	Format	05	Nhất quán về format trong toàn bài	Vài sai sót nhỏ về format	Vài chỗ không nhất quán	Rất nhiều chỗ không nhất quán
	Lỗi chính tả	05	Không có lỗi chính tả	Một vài lỗi nhỏ	Lỗi chính tả khá nhiều	Lỗi rất nhiều và do sai chính

Tiêu chí	Trọng số %	Tốt 8,5 – 10 điểm	Khá 6,5 – 8,4 điểm	Trung bình 4,0 – 6,4 điểm	Kém 0 – 3,9 điểm
chữ, cẩn lè, fomat ...)					tả và typing câu thả

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- *Thuyết trình và thảo luận:* Tất cả các sinh viên phải tham gia thảo luận, trình bày từng nội dung theo quy định về phát triển nông thôn.
- *Bài tập học phần:* Sinh viên phải nộp bài tập học phần đúng thời gian quy định, nếu không nộp bài tập đúng thời hạn quy định sinh viên sẽ không được tham gia thi cuối kỳ.
- *Yêu cầu về đạo đức:* Tôn trọng, hợp tác, giúp đỡ bạn bè, thầy cô, đồng nghiệp.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

* Sách giáo trình / Bài giảng:

1. Vũ Thị Bình và cs. *Giáo trình Quy hoạch phát triển nông thôn*. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội 2006.
2. Đoàn Công Quỳ và cs. (2006). *Giáo trình Quy hoạch sử dụng đất*. NXB Nông nghiệp. Hà Nội.
3. Đỗ Văn Nhạ(c.b), Nguyễn Quang Học, Quyền Thị Lan Phương (2021). *Giáo trình quy hoạch cảnh quan*, Nhà xuất bản Nông nghiệp.
4. Nguyễn Thị Vòng, Nguyễn Quang Học, Đỗ Thị Tám và Đỗ Văn Nhạ (2016). *Giáo trình Quy hoạch môi trường*, Nhà xuất bản đại học Nông nghiệp.
5. Nguyễn Thị Vòng (2008). Giáo trình quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội. Nhà xuất bản Nông nghiệp. Hà Nội.
6. Vũ Thị Thu (2023), Bài Giảng môn Quy hoạch Phát triển nông thôn, Hà Nội

* Tài liệu tham khảo khác:

1. Lê Hồng Kê (2020). Quy hoạch xây dựng và phát triển môi trường sinh thái đô thị - nông thôn. NXB Xây Dựng. Hà Nội
2. Cao Sinh Việt và cs. (2016) *Việt Nam 2035 Hướng tới Thịnh vượng, Sáng tạo, Công bằng và Dân chủ, Tổng quan*. (No. 103435, pp. 1-584). The World Bank
3. Government of Ireland. (2021). ‘Our rural future’- rural development policy 2021-2025. Department of Rural and Community Development, Dublin, Ireland
4. Quyền Thị Lan Phương (2019). Đề tài nghiên cứu khoa học cấp học viện: Xây dựng chuẩn đổi sánh trong đánh giá thực hiện quy hoạch hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn mới huyện yên thành, tỉnh Nghệ An.
5. Nguyễn Quang Huy (2018). Đề tài nghiên cứu khoa học cấp học viện: Xác định cơ cấu hợp lý đất sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới bằng mô hình bài toán đa mục tiêu trên địa bàn huyện Khoái châu, tỉnh Hưng Yên
6. Nguyễn Quang Huy (2020). Đề tài nghiên cứu khoa học cấp học viện: Đánh giá và dự báo biến động sử dụng đất của huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
1-2	<p>Phản lý thuyết (22 tiết)</p> <p>Chương 1. Vùng nông thôn và đặc trưng của vùng nông thôn</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp (4 tiết)</p> <p>1.1. Xã hội nông thôn Việt Nam và quá trình phát triển của làng xã 1.2. Đặc điểm nông thôn tại một số nước 1.3. Điểm dân cư nông thôn 1.4. Đặc trưng của vùng nông thôn</p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (12 tiết)</p> <p>1.5. Ôn lại kiến thức chương 1 1.6. Tìm hiểu tài liệu liên quan đến vấn đề trình bày của chương 1.</p>	K1 K1, K7
2-3	<p>Chương 2. Đại cương về phát triển và phát triển nông thôn</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp (4 tiết)</p> <p>2.1. Đại cương về phát triển. 2.1.1 Khái niệm chung về phát triển 2.1.2. Ý nghĩa, tầm quan trọng của quy hoạch nông thôn 2.1.3 Cơ sở đánh giá mức độ phát triển. 2.2. Phát triển nông thôn. 2.2.1 Khái niệm phát triển nông thôn 2.2.2. Sự cần thiết phát triển nông thôn 2.2.3. Những vấn đề phát triển nông thôn</p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (12 tiết)</p> <p>2.4. Ôn lại kiến thức chương 2 2.5. Tìm hiểu tài liệu liên quan đến vấn đề trình bày của chương 2.</p>	K2 K2, K7
3.5	<p>Chương 3. Nội dung quy hoạch phát triển nông thôn</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp (4 tiết)</p> <p>3.1. Khái niệm về quy hoạch phát triển nông thôn 3.2. Mục đích, yêu cầu và nguyên tắc của quy hoạch phát triển nông thôn 3.3. Nội dung và phương pháp quy hoạch phát triển nông thôn 3.4. Trình tự các bước tiến hành lập phương án quy hoạch phát triển nông thôn 3.5. Đánh giá hiệu quả của phương án quy hoạch 3.6. Đánh giá tác động môi trường của phương án quy hoạch</p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (12 tiết)</p> <p>3.7. Ôn lại kiến thức chương 3 3.8. Tìm hiểu tài liệu liên quan đến vấn đề trình bày của chương 3.</p>	K1, K2, K3, K4, K5, K6 K3, K7
5-6	<p>Chương 4. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp (5 tiết)</p> <p>4.1. Cơ sở lý luận về nông thôn mới 4.2. Xây dựng nông thôn mới ở một số nước trên thế giới 4.3. Nguyên tắc xây dựng nông thôn mới 4.4. Trình tự xây dựng nông thôn mới 4.5. Nội dung quy hoạch xây dựng nông thôn mới 4.6. Nội dung quy hoạch xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu 4.7. Đánh giá hiệu quả 4.8. Xây dựng giải pháp 4.9. Quản lý thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới</p>	K1, K2, K3

Tuần	Nội dung	KQHTMĐ của học phần
	B. Các nội dung tự học ở nhà (15 tiết) 4.10. Ôn lại kiến thức chương 4 4.11. Tìm hiểu tài liệu liên quan đến vấn đề trình bày của chương 4.	K3, K6, K7
6-8	Chương 5. Một số mô hình quy hoạch xây dựng nông thôn tại Việt Nam (4 tiết) 5.1. Mô hình quy hoạch nông thôn mới vùng ven đô 5.2. Mô hình quy hoạch nông thôn mới vùng đồng bằng 5.3. Mô hình quy hoạch nông thôn mới vùng miền núi 5.4. Mô hình quy hoạch nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc 5.5. Mô hình quy hoạch nông thôn mới vùng ven biển 5.6. Mô hình quy hoạch nông thôn mới vùng du lịch. B. Các nội dung tự học ở nhà (12 tiết) 5.7. Ôn lại kiến thức chương 5 5.8. Tìm hiểu tài liệu liên quan đến vấn đề trình bày của chương 5.	K1, K2, K3 K3, K6, K7
8-10	Nội dung các bài thực hành Bài 1 (4 tiết): Xây dựng luận chứng về quy hoạch nông thôn: Thu thập tài liệu, số liệu, đánh giá thực trạng phát triển của địa bàn nghiên cứu và xây dựng luận chứng phát triển. Bài 2 (4 tiết): Xây dựng các hợp phần dự án quy hoạch nông thôn.	K4 K5, K6, K7

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: theo quy định và điều kiện của Học viện.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Giáo trình, máy chiếu...
- Các phương tiện khác: Dụng cụ và đồ dùng học tập.
- E-learning.

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2023

TRƯỞNG BỘ MÔN

PGS.TS. Đỗ Văn Nhạ

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Vũ Thị Thu

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

PGS.TS. TRẦN QUỐC VINH



GS.TS. PHẠM VĂN CƯỜNG

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: ĐỖ VĂN NHÃ	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài Nguyên và Môi Trường, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0353383368
Email: dovannha@vnua.edu.vn	Trang web: http://tntm.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Trực tiếp trên Giảng đường, Bộ môn hoặc qua email, số điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: ĐỖ THỊ TÁM	Học hàm, học vị: PGS.TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài Nguyên và Môi Trường, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0986739960
Email: dttam@vnua.edu.vn	Trang web: http://tntm.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Trực tiếp trên Giảng đường, Bộ môn hoặc qua email, số điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: VŨ THỊ THU	Học hàm, học vị: TS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài Nguyên và Môi Trường, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0984711635
Email: vuthithu@vnua.edu.vn	Trang web: http://tntm.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Trực tiếp trên Giảng đường, Bộ môn hoặc qua email, số điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: NGUYỄN TUẤN ANH	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Bộ môn Quy hoạch đất đai, Khoa Tài Nguyên và Môi Trường, Học viện Nông Nghiệp Việt Nam	Điện thoại liên hệ: 0912784627
Email: nn1ntanh78@vnua.edu.vn	Trang web: http://tntm.vnua.edu.vn/
Cách liên lạc với giảng viên: Trực tiếp trên Giảng đường, Bộ môn hoặc qua email, số điện thoại	

Các lần cải tiến (đề cương được cải tiến hàng năm theo qui định của Học Viện):

- Lần 1: 7/2018

Đề cương được cải tiến hàng năm theo quy định của Học Viện

- Lần 2: 7/2019 Thực hiện các cải tiến nhỏ bao gồm

- + Rà soát cải tiến học phần: cập nhật nội dung, phương pháp dạy và học
- + Bổ sung phương pháp dạy và học E – learning.

- Lần 3-5 (7/2020-7/2022)

- + Bổ sung phương pháp dạy và đánh giá online qua MS-Teams.
- + Bổ sung hướng dẫn thực hành online.
- + CTĐT ngành QLDD chỉ còn 2 chuyên ngành do chuyên ngành QLBDS nâng lên thành ngành.
 - + Sắp xếp tiến trình đào tạo, cập nhật một số nội dung, tài liệu học tập.

- Lần 6: 2023

Chỉnh sửa CDR của học phần, mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT. CTĐT ngành QLDD có 9 CDR, 1 chuyên ngành Quản lý đất đai. Cập nhật nội dung học phần; phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, tài liệu tham khảo.